

SỞ Y TẾ TỈNH BẮC GIANG
BỆNH VIỆN UNG BƯỞU

Số: 506 /BVUB-KD

V/v Mời báo giá thuốc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 15 tháng 8 năm 2024

Kính gửi: Các cơ sở sản xuất, nhập khẩu và kinh doanh dược
trên toàn quốc (Quý doanh nghiệp).

Căn cứ Thông báo số 304/TB - UBND ngày 24/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc Thông báo Kết luận của Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Mai Sơn tại buổi làm việc để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác mua sắm thuốc, vật tư, trang thiết bị y tế.

Căn cứ Thông báo số 316-TB/ĐU 26/7/2024 của Đảng ủy Bệnh viện Ung bướu về Thông báo của Ban chấp hành đảng bộ cuộc họp đánh giá kết quả công tác tháng 7/2024, triển khai nhiệm vụ trọng tâm tháng 8/2024.

Căn cứ Biên bản họp ngày 12/8/2024 của Hội đồng thuốc và điều trị Bệnh viện Ung bướu.

Bệnh viện Ung bướu tỉnh Bắc Giang chuẩn bị đấu thầu thuốc cho nhà thuốc bệnh viện.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Để cập nhật tình hình giá trên thị trường, khả năng cung ứng thuốc, đồng thời là cơ sở để xây dựng giá gói thầu nêu trên. Bệnh viện Ung bướu tỉnh Bắc Giang trân trọng thông tin và đề nghị các Quý doanh nghiệp xem xét, đối chiếu phạm vi kinh doanh, quy mô kinh doanh, cung cấp thông tin về giá thuốc theo các nội dung sau:

1. Báo giá đề nghị cung cấp

- Báo giá chỉ được xem xét khi điền chính xác các nội dung theo biểu mẫu và hướng dẫn gửi kèm.

- Bản cứng báo giá phải được người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp ký xác nhận, đóng dấu (nếu báo giá có nhiều trang phải đóng dấu giáp lai) và gửi về Bệnh viện Ung bướu tỉnh Bắc Giang (**03 bản có dấu đỏ**); bản điện tử gửi về địa chỉ hòm thư khoaduocbvubbg2017@gmail.com.

- Các tài liệu liên quan nếu có (chỉ gửi bản điện tử đến địa chỉ hòm thư khoaduocbvubbg2017@gmail.com): Bản scan các quyết định trúng thầu, thông tin pháp lý của nhà thầu, danh mục các địa chỉ tra cứu thông tin,...

2. Thời gian, địa điểm nhận báo giá

- Thời gian: **Từ ngày 15/8/2024 đến hết ngày 28/8/2024.**

- Địa điểm: Bệnh viện Ung bướu tỉnh Bắc Giang (Địa chỉ: Đường Phạm Ngọc Thạch, xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang).

Vậy, bệnh viện Ung bướu tỉnh Bắc Giang trân trọng thông báo đến các Quý doanh nghiệp được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo BV;
- Website BV;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Danh Song

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC THUỐC GENERIC MỜI BÁO GIÁ

(Kèm theo công văn số 506 /BVUB-KD ngày 15/8/2024 của Bệnh viện Ung bướu tỉnh Bắc Giang)

STT	STT (TT20)	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ/ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	ĐV tính	Đơn giá
1	56	Paracetamol	4	500mg	uống	viên	viên	
2	64	Paracetamol + tramadol	1	325mg + 37,5mg	uống	viên nang	Viên	
3	64	Paracetamol + tramadol	2	325mg + 37,5mg	uống	viên nang	Viên	
4	84	Alpha chymotrypsin	4	8400 IU	uống	viên	Viên	
5	84	Alpha chymotrypsin	4	4200 đơn vị USP	uống	viên	Viên	
6	106	Fexofenadin	4	60mg/10ml	uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	ống	
7	126	Glutathion	4	600mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	
8	126	Glutathion	4	900mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	
9	126	Glutathion	4	1200mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	
10	140	Meglumin natri succinat	5	6g/400ml	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Chai	
11	168	Amoxicilin	4	500mg	uống	Viên	Viên	
12	169	Amoxicilin + acid clavulanic	2	600mg + 42,9mg	uống	Viên hòa tan nhanh	Viên	
13	181	Cefdinir	4	300mg	uống	Viên nang	Viên	
14	191	Cefpodoxim	4	200mg	uống	Viên nang	Viên	
15	216	Dexamethason + Neomycin sulfat + Polymyxin B sulfat	4	(1,0mg + 3.500 IU + 6.000 IU)/ml	nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	
16	233	Ciprofloxacin	4	250mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	
17	234	Levofloxacin	2	500mg	uống	Viên	Viên	

18	436	Levodopa + Benserazide	1	200mg + 50mg	uống	Viên	Viên
19	442	Acid folic (vitamin B9)		400mcg	uống	Viên	Viên
20	444	Sắt (III) hydroxyd polymaltose	4	50mg/10ml	uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	ống
21	444	Sắt nguyên tố (dạng phức hợp sắt (III) hydroxyd polymatose)	4	50mg/1ml	uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai
22	463	Albumin	1	20%/50ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Lọ
23	484	Erythropoetin	5	2000IU/0,3ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Bơm tiêm
24	485	Filgrastim	4	30 MU/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Bơm tiêm
25	541	Perindopril	1	5mg	uống	Viên	viên
26	578	Fenofibrate	1	200mg	uống	Viên nang	viên
27	664	Povidon iodin	4	125ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	lọ
28	679	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	4	800,4mg + 612mg + 80mg	uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	gói
29	679	Magnesi hydroxyd + Nhôm Hydroxyd + Simethicon	4	800 mg + 400 mg + 80 mg	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Gói
30	683	Esomeprazole	5	20mg	uống	Viên bao tan ở ruột	Viên
31	683	Esomeprazole	5	40mg	uống	Viên bao tan ở ruột	Viên
32	691	Domperidon	1	10mg	uống	Viên	viên
33	709	Lactulose	1	10g/15ml	uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Gói

34	711	Macrogol + Natri sulfat + Natri bicarbonat + Natri clorid + Kali clorid	4	64g + 5,7g + 1,680g + 1,460g + 0,750g	uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói
35	713	Monobasic natri phosphat + Dibasic natri phosphat	4	(21,41g +7,89g)/133ml	Dùng ngoài	Thuốc thực hậu môn/trực tràng	chai
36	717	Bacillus subtilis	4	1g	uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói
37	718	Bacillus Clausii	4	2x10 ⁹ CFU/5ml	uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống
38	732	Diosmin + Hesperidin	1	450mg + 50mg	uống	Viên	viên
39	736	L-Ornithin - L-Aspartat	4	400mg	uống	Viên nang	Viên
40	736	L-Ornithin - L-Aspartat	4	1g/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống
41	740	Silymarin	4	400mg	uống	Viên	Viên
42	755	Methyl prednisolon	1	16mg	uống	Viên	viên
43	755	Methyl prednisolon	1	4mg	uống	Viên	viên
44	774	Progesterone	1	0,01	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp
45	804	Levothyroxine natri	2	100mcg	uống	Viên	viên
46	804	Levothyroxine natri	2	50mcg	uống	Viên	viên
47	806	Thiamazole	1	10mg	uống	Viên	Viên
48	806	Thiamazole	1	5mg	uống	Viên	Viên
49	942	Citicolin	2	1000mg/4ml		Thuốc tiêm	ống
50	942	Citicolin	4	500mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống
51	946	Ginkgo biloba	4	120mg	uống	Viên nang	viên
52	946	Ginkgo Biloba	1	60mg	Uống	Viên	Viên
53	949	Piracetam	4	800mg	uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ	ống

63	1030	Vitamin B12	4	1000mcg	Tiêm	Thuốc tiêm	ống
64		Cefprozil	4	250mg	uống	Viên	Viên
65		Cefprozil	4	500mg	uống	Viên	Viên
66		Metronidazol + Clotrimazol + Neomycin	4	500mg + 100mg + 56000IU	Đặt âm đạo	Thuốc đặt âm đạo	Viên
67		Thymomodulin	4	80mg	uống	Viên nang	Viên
68		Thymomodulin	4	60mg/10ml	uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống
69		Clarithromycin + Tinidazol + Esomeprazol	4	500mg + 500mg + 20mg	uống	Viên	Kit
96		Clarithromycin + Tinidazol + Esomeprazol	5	500mg + 500mg + 40mg	uống	Viên	Vỉ
71		L-arginin L-aspartat	4	2000mg	uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống
72		Arginin hydroclorid	4	500mg	uống	Viên nang	Viên
73		Arginin hydrochloride	4	800mg/8ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống
74		Calci glucoheptonat + Calci gluconat	4	700mg + 300mg	uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống

PHỤ LỤC 2: DANH MỤC THUỐC BIỆT DUỢC GỐC MỜI BÁO GIÁ

(Kèm theo công văn số 506 /BVUB-KD ngày 15/8/2024 của Bệnh viện Ung bướu tỉnh Bắc Giang)

STT	STT (TT20)	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ/ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	ĐV tính	Đơn giá
1	35	Celecoxib	Biệt dược gốc	200mg	uống	viên nang	viên	
2	37	Diclofenac	Biệt dược gốc	100mg	Đặt hậu môn	Thuốc đặt hậu môn/trực tràng	viên	
3	48	Meloxicam	Biệt dược gốc	7,5mg	uống	viên	Viên	
4	149	Gabapentin	Biệt dược gốc	300mg	uống	Viên nang	viên	
5	155	Pregabalin	Biệt dược gốc	75mg	uống	Viên nang	viên	
6	169	Amoxicilin + acid clavunanic	Biệt dược gốc	625mg	uống	Viên	Viên	
7	169	Amoxicilin + acid clavunanic	Biệt dược gốc	1g	uống	Viên	Viên	
8	233	Ciprofloxacin	Biệt dược gốc	500mg	uống	Viên	Viên	
9	573	Atorvastatin	Biệt dược gốc	20mg	uống	Viên	Viên	
10	578	Fenofibrate	Biệt dược gốc	145mg	uống	Viên	viên	
11	583	Rosuvastatin	Biệt dược gốc	10mg	uống	Viên	Viên	
12	683	Esomeprazole	Biệt dược gốc	40mg	uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	
13	755	Methyl prednisolon	Biệt dược gốc	40mg	tiêm	Thuốc tiêm	lọ	
14	781	Gliclazide	Biệt dược gốc	60mg	uống	Viên	Viên	
15		Empagliflozin + Metformin hydroclorid	Biệt dược gốc	12,5mg + 1000mg	uống	Viên	Viên	

PHỤ LỤC 3: MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo công văn số /BVUB-KD ngày 15/8/2024 của Bệnh viện Ung bướu tỉnh Bắc Giang)

Tên doanh nghiệp:.....
Số Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được:.... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
Địa chỉ ĐKKD..... Số điện thoại:Email:.....
Người liên hệ:....., Số điện thoại:.....Email:.....

BẢNG BÁO GIÁ THUỐC GENERIC

Kính gửi: Bệnh viện Ung bướu tỉnh Bắc Giang

Đơn vị tính: VNĐ

S T T	STT (theo TT 20/ 2022)	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ/ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Tên thuốc	SDK/ VISA hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (đã có VAT)	Công bố giá KK/ KKL của Cục Quản lý Dược		Giá trúng thầu từ tháng 4/2023 đến nay					
													Giá KK/KKL	Ngày kê khai	Giá trúng thầu 1	Các nơi trúng thầu giá thứ 1 (SYT/ BV	Giá trúng thầu 2	Các nơi trúng thầu giá thứ 2 (SYT/B V	Giá trúng thầu 3	C n tr th g th (S B
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
1	..	...																		

....., ngày.... tháng năm 2024

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

* Ghi chú:

- **Cột 16-18-20:** Chỉ điền nhiều cột khi các giá trị trúng thầu khác nhau; Trường hợp có nhiều hơn 3 mức giá trúng thầu phải ghi mức giá thấp nhất và giá cao nhất.

- **Cột 17-19-21:** Ghi không quá 03 tên SYT/BV. **Font chữ:** Times New Roman. Số phải được định dạng number, sử dụng dấu (.) phân cách hàng đơn vị, dấu (,) để phân cách hàng thập phân, đơn giá chỉ để tối đa hai chữ số hàng thập phân.

PHỤ LỤC 4: MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo công văn số /BVUB-KD ngày 15/8/2024 của Bệnh viện Ung bướu tỉnh Bắc Giang)

Tên doanh nghiệp:.....
Số Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được:.... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
Địa chỉ ĐKKD..... Số điện thoại:Email:.....
Người liên hệ:....., Số điện thoại:.....Email:.....

BẢNG BÁO GIÁ THUỐC BIỆT DƯỢC GỐC

Kính gửi: Bệnh viện Ung bướu tỉnh Bắc Giang

Đơn vị tính: VNĐ

S	T	T	STT (theo TT 20/ 2022)	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ/ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Tên thuốc	SDK/ VISA hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (đã có VAT)	Công bố giá KK/ KKL của Cục Quản lý Dược		Giá trúng thầu từ tháng 4/2023 đến nay					C n tr th g th (S F
															Giá KK/KKL	Ngày kê khai	Giá trúng thầu 1	Các nơi trúng thầu giá thứ 1 (SYT/ BV	Giá trúng thầu 2	Các nơi trúng thầu giá thứ 2 (SYT/B V	Giá trúng thầu 3	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
1	..	...																				

....., ngày..... tháng năm 2024

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

* Ghi chú:

- **Cột 16-18-20:** Chỉ điền nhiều cột khi các giá trị trúng thầu khác nhau; Trường hợp có nhiều hơn 3 mức giá trúng thầu phải ghi mức giá thấp nhất và giá cao nhất.
- **Cột 17-19-21:** Ghi không quá 03 tên SYT/BV. **Font chữ:** Times New Roman. Số phải được định dạng number, sử dụng dấu (.) phân cách hàng đơn vị, dấu (,) để phân cách hàng thập phân, đơn giá chỉ để tối đa hai chữ số hàng thập phân.